

Số: 71 /2018/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2067/TTr-STC ngày 17 tháng 8 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể như sau:

1. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản kim loại (*Phụ lục I*).
2. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản không kim loại (*Phụ lục II*).
3. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm rừng tự nhiên (*Phụ lục III*).
4. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với hải sản tự nhiên (*Phụ lục IV*).
5. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên (*Phụ lục V*).

Điều 2. Trường hợp giá bán của tài nguyên có biến động tăng, giảm 20% trở lên hoặc nếu có phát sinh loại tài nguyên mới chưa quy định trong Bảng giá tính thuế tài nguyên của tỉnh, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh và các Sở, ban, ngành có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế tài nguyên.

Giao Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh hướng dẫn cụ thể cho các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh thực hiện kê khai, nộp thuế tài nguyên theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2018; thay thế Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc điều chỉnh và bổ sung vào Bảng giá tính thuế tài nguyên quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Các quy định trước đây liên quan đến giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trái với quy định tại Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT HĐND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP và CV: TN, XD, CT;
- Lưu: VT, CS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương